LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 13

Thứ ngày	Môn	Tên bài dạy
Hai	Học vần (2) Đạo đức Thủ công	Uông - ương Đi học đều và đúng giờ (Tiết 1) Kiểm tra chương I: Xé dán giấy.
Ba	Thể dục Học vần (2) Toán	Thể dục rèn tư thế cơ bản – Trò chơi. Ang - anh Phép cộng trong phạm vi 7.
Tư	Học vần (2) Toán TNXH Mĩ thuật	Inh - ênh Phép trừ trong phạm vi 7. Công việc ở nhà. Vẽ cá
Năm	Học vần (2) Toán Tập viết	Ôn tập. Luyện tập. Tuần 13.
Sáu	Học vần (2) Toán Hát Sinh hoạt	Om - am Phép cộng trong phạm vi 8. Học hát: Sắp đến tết rồi.

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Học vần
BÀI : UÔNG - ƯƠNG

I.Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần uông, ương, các tiếng: chuông, đường.
-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần uông và ương..

II.Đồ dùng dạy học: -Tranh minh hoạ từ khóa.
-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.
-Tranh minh hoạ luyện nói: Đồng ruộng.
-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung. 2.Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần uông, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần uông. Lớp cài vần uông. GV nhận xét So sánh vần uông với iêng. HD đánh vần vần uông. Có uông, muốn có tiếng chuông ta làm thế nào? Cài tiếng chuông. GV nhận xét và ghi bảng tiếng chuông. Gọi phân tích tiếng chuông. GV hướng dẫn đánh vần tiếng chuông. Dùng tranh giới thiệu từ “quả chuông”. Hỏi:Trong từ có tiếng nào mang vần mới học Gọi đánh vần tiếng chuông, đọc trơn từ quả chuông. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần ương (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần.	Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 5 -> 8 em N1 : củ riềng; N2 : bay liệng. Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng ng. Khác nhau : uông bắt đầu bằng uô, iêng bắt đầu bằng iê. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm ch đứng trước vần uông. Toàn lớp. CN 1 em. Chờ – uông – chuông. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT. Tiếng chuông. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng ng. Khác nhau : ương bắt đầu bằng ươ. 3 em

Gọi học sinh đọc toàn bảng.	1 em. Nghỉ giữa tiết.
Hướng dẫn viết bảng con: uông, quả chuông, ương, con đường. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Luống cày: Khi cày đất lật lên tạo thành những đường, rãnh gọi là luống.	Toàn lớp viết
Rau muống, luống cày, nhà trường, nương rẫy.	HS đánh vần, đọc trơn từ, CN 4 em.
Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Rau muống, luống cày, nhà trường, nương rẫy.	Muống, luống, trường, nương.
Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2 Gọi đọc toàn bảng 3.<u>Củng cố tiết 1</u>:	CN 2 em CN 2 em, đồng thanh
Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1	Vần uông, ương. CN 2 em Đại diện 2 nhóm
Tiết 2	
Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn	CN 6 ->8 em, lớp đồng thanh
Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Bức tranh vẽ gì?	Trai gái bản làng kéo nhau đi hội.
Nội dung bức tranh minh hoạ cho câu ứng dụng:	
Luyện nói : Chủ đề: “Đồng ruộng ”. GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề. GV treo tranh và hỏi:	HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.
+ Bức trang vẽ gì?	Các bác nông dân.
+ Những ai trồng lúa, ngô, khoai, sắn?	Cày bừa và cấy lúa.
+ Trong trang vẽ các bác nông dân đang làm gì trên đồng ruộng?	Gieo mạ, be bờ, tát nước.
+ Ngoài ra các bác nông dân còn làm những việc gì khác?	Đã thấy rồi.
+ Con đã thấy các bác nông dân làm việc bao giờ chưa?	Tôn trọng họ và sản phẩm của họ làm ra.
+ Đối với các bác nông dân và những	

sản phẩm của họ làm ra chúng ta cần có thái độ như thế nào? GV giáo dục TTTcảm Đọc sách kết hợp bảng con GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV (3 phút). GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4.Củng cố : Gọi đọc bài. Trò chơi: Tìm vần tiếp sức: Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 6 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học. Cách chơi: Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc. GV nhận xét trò chơi. 5.Nhận xét, dặn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	 HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 6 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh khác nhận xét.

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Đạo đức:

BÀI : ĐI HỌC ĐỀU VÀ ĐÚNG GIỜ (Tiết 1)

I.Mục tiêu: -Học sinh lợi ích của việc đi học đều và đúng giờ là giúp cho các em thực hiện tốt quyền được học của mình.

II.Chuẩn bị : Tranh minh hoạ phóng to theo nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động học sinh
1.KTBC: Hỏi bài trước: Hỏi học sinh về bài cũ. 1) Khi chào cờ các em phải có tháo độ như thế nào? 2) Hình dáng lá Quốc kì của Việt Nam như thế nào? GV nhận xét KTBC. 2.Bài mới : Giới thiệu bài ghi tựa.	HS nêu tên bài học. GV gọi 4 học sinh để kiểm tra bài. Nghiêm trang, mắt nhìn thẳng vào cờ. Không nói chuyện riêng. Hình chữ nhật. Màu đỏ. Ngôi sao màu vàng, 5 cách. Vài HS nhắc lại.

Hoạt động 1 : Học sinh bài tập 1: Gọi học sinh nêu nội dung tranh. GV nêu câu hỏi: -Thỏ đã đi học đúng giờ chưa? -Vì sao Thỏ nhanh nhẹn lại đi học chậm? Rùa chậm chạp lại đi học đúng giờ? -Qua câu chuyện em thấy bạn nào đáng khen? Vì sao? Cho học sinh thảo luận theo nhóm 2 học sinh, sau cùng gọi học sinh trình bày kết qủa và bổ sung cho nhau. GV kết luận: Thỏ la cà nên đi học muộn. Rùa tuy chậm chạp nhưng rất cố gắng nên đi học đúng giờ. Bạn rùa thật đáng khen. Hoạt động 2: Học sinh đóng vai theo tình huống "Trước giờ đi học" (bài tập 2) Giáo viên phân 2 học sinh ngồi cạnh nhau thành một nhóm đóng vai hai nhân vật trong tình huống. Gọi học sinh đóng vai trước lớp. Gọi học sinh khác nhận xét và thảo luận: Nếu em có mặt ở đó. Em sẽ nói gì với bạn? Tại sao? Hoạt động 3: Tổ chức cho học sinh liên hệ: Bạn nào lớp ta luôn đi học đúng giờ? Kể những việc cần làm để đi học đúng giờ? Giáo viên kết luận: Đi học là quyền lợi của trẻ em. Đi học đúng giờ giúp các em thực hiện tốt quyền được đi học của mình. Để đi học đúng giờ cần phải: Chuẩn bị đầy đủ sách vở quần áo từ tối hôm trước. Không thức khuya. Để đồng hồ báo thức hoặc nhờ bố mẹ gọi thức dậy đi học. 3.Củng cố: Hỏi tên bài. Gọi nêu nội dung bài. Nhận xét, tuyên dương.	Học sinh nêu nội dung. Thỏ đi học chưa đúng giờ. Thỏ la cà dọc đường. Rùa cố gắng và chăm chỉ nên đi học đúng giờ. Rùa đáng khen? Vì chăm chỉ, đi học đúng giờ. Vài em trình bày. Học sinh lắng nghe và vài em nhắc lại. Học sinh thực hành đóng vai theo cặp hai học sinh. Học sinh liên hệ thực tế ở lớp và nêu. Học sinh lắng nghe để thực hiện cho tốt. Học sinh nêu.

4.Dặn dò :Học bài, xem bài mới. Cần thực hiện: Đi học đúng giờ, không la cà dọc đường...	

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Thủ công

BÀI : KIỂM TRA CHƯƠNG: XÉ DÁN GIẤY.

I.Mục tiêu: -Giúp HS nắm được kĩ thật xé dán giấy. Biết chọ giấy màu phù hợp, xé được các hình và biết cách ghép, dán.

-Dán cân đối, phẳng. Trình bày sản phẩm hoàn chỉnh.

II.Đồ dùng dạy học: Mẫu xé dán các hình đã học, giấy màu, hồ dán, bút chì,...

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.Ổn định: 2.KTBC: Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh theo yêu cầu Giáo viên dặn trong tiết trước. Nhận xét chung về việc chuẩn bị của học sinh. 3.Bài mới: Giới thiệu chương đã học và việc kiểm tra hết chương. Giáo viên chép đề lên bảng để học sinh thực hiện + **Đề**: Em hãy chọn màu và xé, dán một trong các nội dung của chương? + Xé dán hình ngôi nhà. + Xé dán con vật mà em yêu thích. + Xé dán hình quả cam. + Xé dán hình cây đơn giản. **Yêu cầu**: Xé xong em hãy sắp xếp dán lên tờ giấy nền và trình bày sao cho cân đối, đẹp. Giáo viên cho học sinh đọc lại đề và gợi ý học sinh chọn nội dung thích hợp theo bản thân. Trước khi học sinh thực hành Giáo viên cho xem lại các sản phẩm đã học trong các tiết trước. Nhắc các em giữ trật tự và dọn vệ sinh khi hoàn thành công việc. 4.Đánh gía sản phẩm: Xếp loại hoàn thành:	Hát. Học sinh mang dụng cụ để trên bàn cho Giáo viên kểm tra. Vài HS nêu lại Học sinh đọc lại đề bài trên bảng. Học sinh lắng nghe YC của Giáo viên . Học sinh nêu những hình em có thể chọn để xé dán, Học sinh thực hành xé dán theo việc lựa chọn của mình. GV cùng học sinh phối hợp đánh giá sản phẩm của học sinh.

Chọn màu phù hợp nội dung bài. Đường xé đều, xé dán cân đối. Cách ghép dán và trình bày cân đối. Bài làm sạch sẽ, màu sắc đẹp. Xếp loại chưa hoàn thành: Đường xé không đều, xé hình không cân đối. Ghép dán hình không cân đối. Gọi học sinh chọn bài đẹp chưng bày trước lớp. 5.Củng cố : Hỏi tên bài, nêu lại cách xé dán một số hình đơn giản. 6.Nhận xét, dặn dò, tuyên dương: Nhận xét, tuyên dương các em có sản phẩm tốt. Chuẩn bị tiết sau.	Chưng bày sản phẩm đẹp tại lớp. Nêu tựa bài.

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

MÔN : THỂ DỤC
BÀI 13 :THỂ DỤC RÈN TƯ THẾ CƠ BẢN – TRÒ CHƠI.

I.Mục tiêu :

-Ôn một số động tác thể dục RLTTCB. YC thực hiện động tác chính xác hơn giờ học trước.

-Rèn luyện tư thế đứng cơ bản, học động tác đứng đưa chân sang ngang. YC biết thực hiện ở mức độ cơ bản đúng.

-Ôn trò chơi: Cuyển bóng tiếp sức. YC thực hiện ở mức tương đối chủ động.

II.Chuẩn bi :

- Còi, sân bãi …

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.Phần mỡ đầu: Thổi còi tập trung học sinh. Phổ biến nội dung yêu cầu bài học. Gợi ý cán sự hô dóng hàng. Tập hợp 4 hàng dọc. Giống hàng thẳng, đứng tại chỗ vỗ tay và hát (2 phút) Chạy nhẹ nhàng thành 1 hàng dọc trên bãi tập từ 40 đến 50 mét sau đó đi theo vòng tròn hít thở sâu rồi đứng lại. Ôn đứng nghiêm, đứng nghỉ, quay phải, quay trái (2 phút) Ôn trò chơi: Diệt con vật có hại (2 phút) 2.Phần cơ bản: + Ôn đứng đưa một chân ra sau, hai tay giơ cao thẳng hướng: 1->2 lần, 2X4 nhịp. + Ôn phối hợp đứng đưa một chân ra trước hai tay chống hông và đứng đưa một chân ra sau, hai tay giơ cao thẳng hướng: 1 -> 2 lần, 2 X 4 nhịp. Học đứng đưa một chân sang ngang, hai tay chống hông: 3 -> 5 lần, 2 X 4 nhịp. Nhịp 1: Đưa chân trái sang ngang, hai tay chống hông. Nhịp 2: Về TTĐCB. Nhịp 3: Đưa chân phải sang ngang, hai tay chống hông. Nhịp 4: Về TTĐCB. + Ôn phối hợp: 1 -> 2 lần.	HS ra sân. Đứng tại chỗ vỗ tay và hát. Học sinh lắng nghe nắmYC bài học. Học sinh tập hợp thành 4 hàng dọc, đứng tại chỗ và hát. Học sinh thực hiện chạy theo YC của GV. Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của GV. Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của GV. Học sinh xem Giáo viên làm mẫu. Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của GV. Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của

Nhịp 1: Đưa chân trái ra trước, hai tay chống hông. Nhịp 2: Về TTĐCB. Nhịp 3: Đưa chân phải ra trước, hai tay chống hông. Nhịp 4: Về TTĐCB. + Ôn phối hợp: 1 lần. Nhịp 1: Đưa chân trái ra sau, hai tay chống hông. Nhịp 2: Về TTĐCB. Nhịp 3: Đưa chân phải ra sau, hai tay chống hông. Nhịp 4: Về TTĐCB. Ôn trò chơi: Chuyển bóng tiếp sức. (5 – 6 phút) 3.Phần kết thúc : GV dùng còi tập hợp học sinh. Trò chơi hồi tĩnh do Giáo viên chọn. GV cùng HS hệ thống bài học. Cho lớp hát. 4.Nhận xét giờ học. Hướng dẫn về nhà thực hành.	GV. Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của GV. Học sinh ôn lại trò chơi chuyển bóng tiếp sức do lớp trưởng điều khiển. Nêu lại nội dung bài học các bước thực hiện đứng đưa một chân sang ngang hai tay chống hông.

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Học vần

BÀI : ANG - ANH

I.Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần ang, anh, các tiếng: bành, chanh.
-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần ang và anh.
-Đọc và viết đúng các vần ang, anh, các từ cây bàng, cành chanh.
-Nhận ra ang, anh trong tiếng, từ ngữ, trong sách báo bất kì.
-Đọc được từ và câu ứng dụng :
-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Buổi sáng.

II.Đồ dùng dạy học: -Tranh minh hoạ từ khóa.
-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.
-Tranh minh hoạ luyện nói: Buổi sáng.
-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con.	Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 5 -> 8 em

Viết bảng con. GV nhận xét chung. 2.Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần ang, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần ang. Lớp cài vần ang. GV nhận xét. So sánh vần ang với ong. HD đánh vần vần ang. Có ang, muốn có tiếng bàng ta làm thế nào? Cài tiếng bàng. Dùng tranh giới thiệu từ "cây bàng". Hỏi:Trong từ có tiếng nào mang vần mới học Gọi đánh vần tiếng bàng, đọc trơn từ cây bàng. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần anh (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. Hướng dẫn viết bảng con: ang, cây bàng, anh, cành chanh. GV nhận xét và sửa sai. Đọc từ ứng dụng. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Buôn làng: Làng xóm của người dân tộc miền núi. Hải cảng: Nơi neo đậu của tàu bè, thuyền đi biển hoặc buôn bán trên biển. Hiền lành: Tính tình rất hiền trong quan hệ đối xử với người khác. Buôn làng, hải cảng, bánh chưng, hiền lành. Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Buôn làng, hải cảng, bánh chưng, hiền	N1 : rau muống; N2 : nhà trường. Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng ng. Khác nhau : ang bắt đầu bằng a. A – ngờ – ang. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm b đứng trước vần ang và thanh huyền trên âm a. Toàn lớp. CN 1 em. Bờ – ang – bang – huyền - bàng. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT. Tiếng bàng. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : Bắt đầu bằng nguyên âm a. Khác nhau : ang kết thúc bằng ng, anh kết thúc bằng nh. 3 em 1 em. Nghỉ giữa tiết. Toàn lớp viết Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.

lành. Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2 Gọi đọc toàn bảng 3.Củng cố tiết 1: Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1 Tiết 2 Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Bức tranh vẽ gì? Nội dung bức tranh minh hoạ cho câu ứng dụng: Không có chân có cánh Sao gọi là con sông? Không có lá có cành Sao gọi là ngọn gió? Gọi học sinh đọc. GV nhận xét và sửa sai. Luyện nói : Chủ đề: "Buổi sáng ". GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề. GV treo tranh và hỏi: + Bức trang vẽ gì? + Đây là cảnh nông thôn hay thành phố? + Trong bức tranh, mọi người đang đi đâu? Làm gì? + Buổi sáng cảnh vật có gì đặc biệt? + Ở nhà con, buổi sáng mọi người làm gì? + Buổi sáng con làm những gì? + Con thích buổi sáng mưa hay nắng? Vì sao? + Con thích buổi sáng, buổi trưa hay buổi chiều? Tổ chức cho các em thi nói về buổi sáng của em. GV giáo dục TTTcảm Đọc sách kết hợp bảng con GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm.	HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. Làng, cảng, bánh, lành. CN 2 em CN 2 em, đồng thanh Vần ang, anh. CN 2 em Đại diện 2 nhóm CN 6 ->8 em, lớp đồng thanh. Con sông và cánh diều bay trong gió. đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 5 em, đồng thanh. Cảnh buổi sáng. Cảnh nông thôn. Nông dân đi ra ruộng, học sinh đi học. Mặt trời mọc. Học sinh nói theo gia đình mình (ba, mẹ, anh, chị...) Học sinh nói theo công việc mình làm. Học sinh nói theo gợi ý câu hỏi trên. Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6

Luyện viết vở TV (3 phút). GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4.Củng cố : Gọi đọc bài. Trò chơi: Tìm vần tiếp sức: Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 6 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học. Cách chơi: Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc. GV nhận xét trò chơi. 5.Nhận xét, dặn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 6 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh khác nhận xét.

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Toán

BÀI : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7.

I.Mục tiêu : Học sinh được:

-Tiếp tục củng cố khắc sâu khái niệm về phép cộng.

-Tự thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7

-Thực hành tính cộng đúng trong phạm vi 7.

-Tập biểu thị tranh bằng phép trừ thích hợp.

Đồ dùng dạy học:

-Bộ đồ dùng toán 1, VBT, SGK, bảng … .

-Các mô hình phù hợp để minh hoạ phép cộng trong phạm vi 7.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi tên bài. Gọi học sinh nộp vở. Gọi học sinh lên bảng làm bài tập. Làm bảng con : 5 - … = 3 (dãy 1) … - 2 = 4 (dãy 2) Nhận xét KTBC. 2.Bài mới : GT bài ghi tựa bài học. ➢ Hướng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7. Bước 1: Hướng dẫn học sinh thành lập công thức 6 + 1 = 7 và 1 + 6 = 7 + Hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đính trên bảng và trả lời câu hỏi: Giáo viên đính lên bảng 6 tam giác và hỏi: Có mấy tam giác trên bảng? Có 6 tam giác thêm 1 tam giác nữa là mấy tam giác? Làm thế nào để biết là 7 tam giác? Cho cài phép tính 6 +1 = 7 Giáo viên nhận xét toàn lớp. GV viết công thức : 6 + 1 = 7 trên bảng và cho học sinh đọc. + Giúp học sinh quan sát hình để rút ra nhận xét: 6 hình tam giác và 1 hình	Học sinh nêu: Luyện tập. Tổ 4 nộp vở. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 + … = 6 , 4 + … = 5 … + 2 = 4 , 5 - … = 3 … + 6 = 6 , … - 2 = 4 HS nhắc tựa. Học sinh QS trả lời câu hỏi. 6 tam giác. Học sinh nêu: 6 hình tam giác thêm 1 hình tam giác là 7 hình tam giác. Làm tính cộng, lấy 6 cộng 1 bằng bảy. 6 + 1 = 7. Vài học sinh đọc lại 6 + 1 = 7. Học sinh quan sát và nêu: 6 + 1 = 1 + 6 = 7

tam giác cũng như 1 hình tam giác và 6 hình tam giác. Do đó 6 + 1 = 1 + 6 GV viết công thức lên bảng: 1 + 6 = 7 rồi gọi học sinh đọc. Sau đó cho học sinh đọc lại 2 công thức: 6 + 1 = 7 và 1 + 6 = 7.	Vài em đọc lại công thức. 6 + 1 = 7 1 + 6 = 7, gọi vài em đọc lại, nhóm đồng thanh.
Bước 2: Hướng dẫn học sinh thành lập các công thức còn lại: 5 + 2 = 2 + 5 = 7; 4 + 3 = 3 + 4 = 7 tương tự như trên. Bước 3: Hướng dẫn học sinh bước đầu ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7 và cho học sinh đọc lại bảng cộng.	Học sinh nêu: 5 + 2 = 7 2 + 5 = 7 3 + 4 = 7 4 + 3 = 7 học sinh đọc lại bảng cộng vài em, nhóm.
Hướng dẫn luyện tập: Bài 1: Học sinh nêu YC bài tập. GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng cộng trong phạm vi 7 để tìm ra kết qủa của phép tính. Cần lưu ý học sinh viết các số phải thật thẳng cột.	Học sinh thực hiện theo cột dọc ở VBT và nêu kết qủa.
Bài 2: Học sinh nêu YC bài tập. Cho học sinh tìm kết qủa của phép tính (tính nhẩm), rồi đọc kết qủa bài làm của mình theo từng cột (cặp phép tính). GV lưu ý củng cố cho học sinh về TC giao hoán của phép cộng thông qua ví dụ cụ thể. Ví dụ: Khi đã biết 5 + 2 = 7 thì viết được ngay 2 + 5 = 7.	Học sinh làm miệng và nêu kết qủa: 7 + 0 = 7 , 6 + 1 = 7 , 3 + 4 = 7 0 + 7 = 7 , 1 + 6 = 7 , 4 + 3 = 7 học sinh nêu tính chất giao hoán của phép cộng.
Bài 3: Học sinh nêu YC bài tập. GV cho Học sinh nhắc lại cách tính gía trị của biểu thức số có dạng như trong bài tập như: 5 + 1 + 1 thì phải lấy 5 + 1 trước, được bao nhiêu cộng tiếp với 1. Cho học sinh làm bài và chữa bài trên bảng lớp.	Học sinh làm phiếu học tập. Học sinh khác nhận xét bạn làm. Học sinh chữa bài trên bảng lớp.
Bài 4: Hướng dẫn học sinh xem tranh rồi nêu bài toán. Gọi học sinh lên bảng chữa bài.	a) Có 6 con bướm, thêm 1 con bướm nữa. Hỏi có mấy con bướm? Có 4 con chim, thêm 3 con chim nữa. Hỏi có mấy con chim? Học sinh làm bảng con: 6 + 1 = 7 (con bướm) 4 + 3 = 7 (con chim)
4.Củng cố – dặn dò:	

Hỏi tên bài. GV nêu câu hỏi : Nêu trò chơi : Tiếp sức. Chuẩn bị 2 bảng giấy ghi các phép tính và kết qủa, 2 bút màu. Cách chơi: Phân 2 dãy bàn trong lớp học, một dãy bàn là 1 đội. GV treo sẵn 2 băng giấy lên bảng. Sau khi nghe hiệu lệnh của người quản trò chơi, các thành viên của mỗi đội sẽ dùng bút nối kết qủa với phép tính. Từng người nối xong sẽ chuyền bút cho người khác nối tiếp. Luật chơi: Mỗi người chỉ nối được 1 lần. Trong 5 phút đội nào nối nhanh và đúng sẽ thắng. Gọi học sinh xung phong đọc thuộc bảng cộng trong phạm vi 7. Nhận xét, tuyên dương 5.Dặn dò : Về nhà làm bài tập ở VBT, học bài, xem bài mới.	Học sinh nêu tên bài Đại diện 2 nhóm chơi trò chơi. Học sinh xung phong đọc. Học sinh lắng nghe.

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Học vần

BÀI : INH - ÊNH

I.Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần inh, ênh, các tiếng: tính, kênh.
-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần inh và ênh. máy tính.

II.Đồ dùng dạy học: -Tranh minh hoạ từ khóa.
-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.
-Tranh minh hoạ luyện nói: Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.
-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung. 2.Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần inh, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần inh. Lớp cài vần inh. GV nhận xét. So sánh vần inh với anh. HD đánh vần vần inh. Có inh, muốn có tiếng tính ta làm thế nào? Cài tiếng tính. GV nhận xét và ghi bảng tiếng tính. Gọi phân tích tiếng tính. GV hướng dẫn đánh vần tiếng tính. Dùng tranh giới thiệu từ “máy vi tính”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng tính, đọc trơn từ máy vi tính. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần ênh (dạy tương tự) So sánh 2 vần	Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 5 -> 8 em N1 : buôn làng; N2 : hiền lành. Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng nh. Khác nhau : inh bắt đầu bằng i. i – nhờ – inh. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm t đứng trước vần inh và thanh sắc trên âm i. Toàn lớp. CN 1 em. Tờ – inh – tinh – sắc - tính. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT. Tiếng tính. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng nh Khác nhau : inh bắt đầu bằng i, ênh bắt đầu bằng ê.

Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. Hướng dẫn viết bảng con: inh, máy vi tính, ênh, dòng kênh. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Đình làng: Ngôi đình ở một làng nào đó, thường là nơi dân làng tập trung, tụ họp, bàn việc làng, tổ chức lễ hội. Ễnh ương: Con vật giống con ếch. Đình làng, thông minh, bệnh viện, ễnh ương. Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Đình làng, thông minh, bệnh viện, ễnh ương. Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2 Gọi đọc toàn bảng 3.<u>Củng cố tiết 1</u>: Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1 Tiết 2 Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Bức tranh vẽ gì? Nội dung bức tranh minh hoạ cho câu ứng dụng: Cái gì cao lớn lênh khênh Đứng mà không tựa ngã kềnh ngay ra. Gọi học sinh đọc. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.”. GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề. GV treo tranh và hỏi: + Bức trang vẽ những loại máy gì?	3 em 1 em. Nghỉ giữa tiết. Toàn lớp viết Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV. HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. Đình, minh, bệnh, ễnh. CN 2 em CN 2 em, đồng thanh Vần inh, ênh. CN 2 em Đại diện 2 nhóm CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. Cái thang ở bên đống rơm có hai bạn nhỏ. HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 5 em, đồng thanh. Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.

+ Chỉ vào tranh và cho biết: đâu là máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính?	Học sinh chỉ và nêu.
+ Trong các loại máy con đã biết máy gì?	Học sinh nói những máy gì đã biết.
+ Máy cày dùng để làm gì? Thường thấy ở đâu?	Cày đất, ruộng. Thấy ở ruộng vườn.
+ Máy nổ dùng để làm gì?	Phát điện, xay xát...
+ Máy khâu dùng để làm gì?	May vá...
+ Máy tính dùng để làm gì?	Tính toán...
+ Ngoài các loại máy trong tranh, con còn biết những loại máy gì? Dùng để làm gì?	Học sinh nói theo gợi ý câu hỏi trên.
Tổ chức cho các em thi nói về các loại máy mà em biết.	Học sinh khác nhận xét.
GV giáo dục TTTcảm	
Đọc sách kết hợp bảng con	HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em.
GV đọc mẫu 1 lần.	Học sinh lắng nghe.
GV Nhận xét cho điểm.	
Luyện viết vở TV (3 phút).	Toàn lớp.
GV thu vở một số em để chấm điểm.	
Nhận xét cách viết.	
4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài.	CN 1 em
<u>Trò chơi</u>:	
Tìm vần tiếp sức:	
Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 6 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học.	
<u>Cách chơi</u>:	
Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc.	Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 6 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh dưới lớp cổ vũ tinh thần các bạn trong nhóm chơi.
GV nhận xét trò chơi.	Học sinh khác nhận xét.
5.<u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Toán

BÀI 50 : PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7.

I.Mục tiêu : Học sinh được:Tiếp tục củng cố khắc sâu khái niệm về phép trừ.

-Tự thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7.

-Thực hành tính trừ đúng trong phạm vi 7.

-Tập biểu thị tranh bằng phép trừ thích hợp.

Đồ dùng dạy học:Bộ đồ dùng toán 1, VBT, SGK, bảng … .

-Các mô hình phù hợp để minh hoạ phép cộng trong phạm vi 7.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi tên bài. Gọi học sinh nộp vở. Gọi học sinh lên bảng làm bài tập. Gọi học sinh nêu bảng cộng trong phạm vi 7.Nhận xét KTBC. 2.Bài mới :GT bài ghi tựa bài học. ➢ Hướng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7. Bước 1: Hướng dẫn học sinh thành lập công thức 7 – 1 = 6 và 7 – 6 = 1 + Hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đính trên bảng và trả lời câu hỏi: Giáo viên đính lên bảng 6 tam giác và hỏi:Có mấy tam giác trên bảng? Có 7 tam giác, bớt đi 1 tam giác. Còn mấy tam giác? Làm thế nào để biết còn 6 tam giác? Cho cài phép tính 7 – 1 = 6. Giáo viên nhận xét toàn lớp. GV viết công thức : 7 – 1 = 6 trên bảng và cho học sinh đọc. + Cho học sinh thực hiện mô hình que tính trên bảng cài để rút ra nhận xét: 7 que tính bớt 6 que tính còn 1 que tính. Cho học sinh cài bản cài 7 – 6 = 1 GV viết công thức lên bảng: 7 – 6 = 1 rồi gọi học sinh đọc.Sau đó cho học sinh đọc lại 2 công thức:7 – 1 = 6 và 7 – 6 = 1 Bước 2: Hướng dẫn học sinh thành lập các công thức còn lại: 7 – 2 = 5 ; 7 – 5 = 2 ; 7 – 3 = 4 ; 7 – 4 = 3 tương tự như	Học sinh nêu: Phép cộng trong phạm vi 7. Tổ 4 nộp vở. Tính: 5 + 1 + 1 = , 3 + 3 + 1 = 4 + 2 + 1 = , 3 + 2 + 2 = HS nhắc tựa. Học sinh QS trả lời câu hỏi. 7 tam giác. Học sinh nêu: 7 hình tam giác bớt 1 hình tam giác còn 6 hình tam giác. Làm tính trừ, lấy bảy trừ một bằng sáu. 7 – 1 = 6. Vài học sinh đọc lại 7 – 1 = 6. Học sinh thực hiện bảng cài của mình trên que tính và rút ra: 7 – 6 = 1 Vài em đọc lại công thức. 7 – 1 = 6 7 – 6 = 1, gọi vài em đọc lại, nhóm đồng thanh.

trên.	
Bước 3: Hướng dẫn học sinh bước đầu ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7 và cho học sinh đọc lại bảng trừ.	Học sinh nêu: 7 – 1 = 6 , 7 – 6 = 1 7 – 2 = 5 , 7 – 5 = 2 7 – 3 = 4 , 7 – 4 = 3 Học sinh đọc lại bảng trừ vài em, nhóm.
Hướng dẫn luyện tập: Bài 1: Học sinh nêu YC bài tập. GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng trừ trong phạm vi 7 để tìm ra kết qủa của phép tính. Cần lưu ý học sinh viết các số phải thật thẳng cột.	Học sinh thực hiện theo cột dọc ở VBT và nêu kết qủa.
Bài 2: Học sinh nêu YC bài tập. Cho học sinh tìm kết qủa của phép tính (tính nhẩm), rồi đọc kết qủa bài làm của mình theo từng cột.	Học sinh làm miệng và nêu kết qủa: Học sinh khác nhận xét.
Bài 3: Học sinh nêu YC bài tập. GV cho Học sinh nhắc lại cách tính gía trị của biểu thức số có dạng trong bài tập như: 7 – 3 - 2 thì phải lấy 7 - 3 trước, được bao nhiêu trừ tiếp đi 2. Cho học sinh làm bài và chữa bài trên bảng lớp.	7 – 3 – 2 = 2, 7 – 6 – 1 = 0, 7 – 4 – 2 = 1 7 – 5 – 1 = 1, 7 – 2 – 3 = 2, 7 – 4 – 3 = 0 Học sinh làm phiếu học tập. Học sinh chữa bài trên bảng lớp.
Bài 4:Hướng dẫn học sinh xem tranh rồi đặt đề toán tương ứng. Cho học sinh giải vào tập.Gọi học sinh lên bảng chữa bài.	Học sinh khác nhận xét bạn làm. a) Có 7 quả cam, bé lấy 2 quả. Hỏi còn mấy quả cam? b) Có 7 bong bóng, thả bay 3 bong bóng. Hỏi còn mấy bong bóng? Học sinh giải: 7 – 2 = 5 (quả cam) 7 – 3 = 4 (bong bóng)
4.Củng cố – dặn dò:Hỏi tên bài.Nêu trò chơi : Tiếp sức.Mục đích: Giúp học sinh nhớ bảng trừ trong phạm vi 7. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, tinh thần đồng đội.Chuẩn bị 2 bảng giấy ghi các phép tính và 2 bút màu. Cách chơi: Phân 2 dãy bàn trong lớp học, một dãy bàn là 1 đội. GV treo sẵn 2 băng giấy lên bảng. Sau khi nghe hiệu lệnh của người quản trò chơi, các thành viên của mỗi đội sẽ dùng bút ghi kết qủa của phép tính. Từng người ghi xong sẽ chuyền bút cho người khác ghi tiếp. Luật chơi: Mỗi người chỉ ghi kết quả của 1 phép tính. Đội nào ghi nhanh và đúng sẽ thắng.Giáo viên nhận xét trò chơi.	Học sinh nêu tên bài Đại diện 2 nhóm chơi trò chơi. Các bạn khác vỗ tay cổ vũ cho nhóm mình.
Gọi học sinh xung phong đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 7. Nhận xét, tuyên dương	Học sinh xung phong đọc. Học sinh lắng nghe.
5.Dặn dò : Về nhà làm bài tập ở VBT, học bài, xem bài mới.	

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Mĩ Thuật

BÀI 13 : VẼ CÁ

I.Mục tiêu :

-Giúp HS hiểu được hình dáng, màu sắc và các bộ phận của con cá.

-Biết cách vẽ con cá, vẽ được con cá và tô màu theo ý thích.

-Giáo dục óc thẩm mỹ, yêu thích môn vẽ.

II.Đồ dùng dạy học:

-Tranh vẽ về các loại cá.

-Hình phác hoạ hướng dẫn học sinh vẽ con cá.

-Học sinh : Bút, tẩy, màu ...

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Kiểm tra đồ dùng học tập của các em.	 Vở tập vẽ, tẩy,chì,...
2.Bài mới : Qua tranh giới thiệu bài và ghi tựa. Giới thiệu các loại cá. GV hỏi : + Con cá có dạng hình gì? + Con cá gồm các bộ phận nào? + Màu sắc của cá như thế nào? Yêu cầu học sinh kể một vài loại cá mà em biết. Tóm lại: Cá có nhiều loại và có hình dạng và màu sắc khắc nhau... .	 Học sinh nhắc tựa. Học sinh QS tranh và nêu theo các loại cá trong tranh. Học sinh kể về các loại cá.
3.Hướng dẫn học sinh vẽ cá: + Vẽ mình cá trước: Cá có nhiều loại nên mình cá cũng khác nhau, không nhất thiết vẽ giống nhau. Cho học sinh quan sát mẫu phác hoạ của GV và nhận xét về mình cá. + Vẽ đuôi cá: Đuôi cá có thể vẽ khác nhau. + Vẽ các chi tiết khác: mang cá, mắt cá, vây cá, vảy cá. + Vẽ màu vào cá.	 Học sinh quan sát hình phác hoạ và vẽ mình cá. Học sinh quan sát hình phác hoạ và vẽ đuôi cá. Học sinh quan sát hình phác hoạ và vẽ các chi tiết khác của con cá.
4. Học sinh thực hành bài vẽ của mình. GV giải thích thêm: Vẽ cá to vừa phải so với tờ giấy (trang vẽ ở vở tập vẽ), có thể vẽ một đàn cá gồm nhiều con cá to nhỏ khác nhau,	Học sinh thực hành bài vẽ hoàn chỉnh con cá theo ý thích của mình.

cách bơi mỗi con cũng khác nhau (con bơi ngang, con bơi ngược, con chúi xuống, con ngược lên). GV theo dõi giúp một số học sinh yếu để hoàn thành bài vẽ của mình. 5.Nhận xét đánh giá: GV hướng dẫn học sinh nhận xét một số bài vẽ về: + Hình vẽ. + Màu sắc. Thu bài chấm. Hỏi tên bài. GV hệ thống lại nội dung bài học. Nhận xét -Tuyên dương. 6.Dặn dò: Bài thực hành ở nhà.	 Học sinh cùng GV nhận xét bài vẽ của các bạn trong lớp. Học sinh nêu lại cách vẽ cá.

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Học vần
BÀI : ÔN TẬP

I.Mục tiêu: Sau bài học học sinh có thể:
-Hiểu được cấu tạo các vần đã học trong tuần.
-Đọc và viết một cách chắc chắn các vần có kết thúc bằng ng nà nh.
-Đọc được từ và câu ứng dụng trong bài, các từ, câu có chứa vần đã học.
-Hiểu và kể tự nhiên một số tình tiết quan trọng trong truyện kể: Quạ và Công.

II.Đồ dùng dạy học:
-Bảng ôn tập các vần kết thúc bằng ng, nh
-Tranh minh hoạ các từ, câu ứng dụng, truyện kể: Quạ và Công..

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung. 2.Bài mới: GV giới thiệu bảng ôn tập gọi học sinh cho biết vần trong khung là vần gì? Hai vần có gì khác nhau? Ngoài 2 vần trên hãy kể những vần kết thúc bằng ng và nh đã được học? GV gắn bảng ôn tập phóng to và yêu cầu học sinh kiểm tra xem học sinh nói đã đầy đủ các vần đã học kết thúc bằng ng và nh hay chưa. 3.Ôn tập các vần vừa học: a) Gọi học sinh lên bảng chỉ và đọc các vần đã học. GV đọc và yêu cầu học sinh chỉ đúng các vần GV đọc (đọc không theo thứ tự). b) Ghép âm thành vần: GV yêu cầu học sinh ghép chữ cột dọc với các chữ ở các dòng ngang sao cho thích hợp để được các vần tương ứng đã học. Gọi học sinh chỉ và đọc các vần vừa ghép được. c) Đọc từ ứng dụng. Gọi học sinh đọc các từ ứng dụng trong bài: Bình minh, nhà rông, nắng chang	Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : đình làng ; N2 : bệnh viện. Học sinh nhắc lại. Ang, anh Khác nhau : ang kết thúc bằng ng, anh kết thúc bằng nh. Học sinh nêu, GV ghi bảng. Học sinh kiểm tra đối chiếu và bổ sung cho đầy đủ. Học sinh chỉ và đọc 7 em. Học sinh chỉ theo yêu cầu của GV 5 em. Học sinh ghép và đọc, học sinh khác nhận xét. 4 học sinh đọc.

chang (GV ghi bảng) GV sửa phát âm cho học sinh. GV đưa tranh hoặc dùng lời để giải thích các từ này cho học sinh hiểu (nếu cần) Bình minh: Buổi sáng sớm lúc mặt trời mọc. Nắng chang chang: Nắng to, nóng nực. Nhà rông:Nhà để tụ họp của người dân trong làng, bản dân tộc ở Tây Nguyên.	
	Nghỉ giữa tiết.
d) Tập viết từ ứng dụng: GV hướng dẫn học sinh viết từ: bình minh, nhà rông. Cần lưu ý các nét nối giữa các chữ trong vần, trongtừngtừ ứng dụng... GV nhận xét và sửa sai.	Toàn lớp viết.
Gọi đọc toàn bảng ôn.	2 em.
4.<u>Củng cố tiết 1</u>: Hỏi vần mới ôn. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1	1 em.
Tiết 2 Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Trên trời mât trắng như bông Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây. Mấy cô má đỏ hây hây Đội bông như thể đội mây về làng. Gọi học sinh đọc. GV nhận xét và sửa sai.	HS tìm tiếng mang vần kết thúc ng và nh trong câu, 4 em đánh vần, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.
+ <u>Kể chuyện</u>: Quạ và Công. GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh kể được câu chuyện Quạ và Công. GV kể lại câu chuyện cho học sinh nghe. GV treo tranh và kể lại nội dung theo từng bức tranh. Học sinh lắng nghe GV kể.	
GV hướng dẫn học sinh kể lại qua nội dung từng bức tranh. + <u>GV kết luận</u>: Vội vàng hấp tấp, lại thêm tính tham lam nữa thì chẳng bao	Học sinh kể chuyện theo nôi dung từng bức tranh và gợi ý của GV. Học sinh khác nhận xét.

giờ làm được việc gì. + Đóng vai Quạ và Công: Gọi 3 học sinh, 1 em dẫn truyện, 1 em đóng vai Quạ, 1 em đóng vai Công để kể lại truyện. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV (3 phút). GV thu vở 5 em để chấm. Nhận xét cách viết. 5.Củng cố dặn dò: Gọi đọc bài. Nhận xét tiết học: Tuyên dương. Về nhà học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	 3 học sinh đóng vai kể lại câu truyện Quạ và Công. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp CN 1 em

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Toán

BÀI 51 : LUYỆN TẬP

I.Mục tiêu :

-Giúp học sinh củng cố và khắc sâu về phép cộng và trừ trong phạm vi 7.

-Quan hệ thứ tự giữa các số trong phạm vi 7.

-Quan sát tranh nêu bài toán và biểu thị tình huống trong tranh bằng một phép tính thích hợp.

II.Đồ dùng dạy học:

-Bảng phụ, SGK, tranh vẽ.

-Bộ đồ dùng toán 1

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC: Hỏi tên bài, gọi nộp vở. Gọi vài học sinh lên bảng để kiểm tra về bảng trừ trong phạm vi 7. Gọi 4 học sinh lên bảng thực hiện các phép tính: 7 – 2 – 3 , 7 – 4 – 2 7 – 5 – 1 , 7 – 3 – 4 Cô nhận xét về kiểm tra bài cũ. 2.Bài mới : Giới thiệu trực tiếp, ghi tựa. 3.Hướng dẫn học sinh luyện tập: Bài 1: Học sinh nêu yêu cầu:	 1 em nêu " Phép trừ trong phạm vi 7" Vài em lên bảng đọc các công thức trừ trong phạm vi 7. Học sinh khác nhận xét. Học sinh nêu: Luyện tập.

Giáo viên hỏi: Đối với phép tính thực hiện theo cột dọc ta cần chú ý điều gì? Cho học sinh làm VBT. GV gọi học sinh chữa bài. Bài 2: Gọi nêu yêu cầu của bài: Gọi học sinh theo bàn đứng dậy mỗi em nêu 1 phép tính và kết quả của phép tính đó lần lượt từ bàn này đến bàn khác. Giáo viên đặt câu hỏi để học sinh nêu tính chất giao hoán của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ. Bài 3: Học sinh nêu cầu của bài: Học sinh nêu lại cách thực hiện bài này. Bài 4: Học sinh nêu cầu của bài: Ở dạng toán này ta thực hiện như thế nào? GV phát phiếu bài tập 3 và 4 cho học sinh làm. Gọi học sinh chữa bài ở bảng lớp. Bài 5: Học sinh nêu cầu của bài: Cô treo tranh tranh, gọi nêu bài toán. Gọi lớp làm phép tính ở bảng con. Gọi nêu phép tính, cô ghi bảng. 4.Củng cố: Hỏi tên bài. Gọi đọc bảng cộng và trừ trong phạm vi 7, hỏi miệng 1 số phép tính để khắc sâu kiến thức cho học sinh. Trò chơi: Tiếp sức. Điền số thích hợp theo mẫu. Tổ chức theo 2 nhóm, mỗi nhóm 4 em, mỗi em chỉ điền vào một số thích hợp trong hình tròn sao cho tổng bằng 7. Nhận xét trò chơi. 5. Dặn dò: Tuyên dương, dặn học sinh học bài, xem bài mới.	Học sinh nêu: viết các số thẳng cột với nhau. Học sinh lần lượt làm các cột bài tập 1. Học sinh chữa bài. Học sinh thực theo yêu cầu của Giáo viên 6 + 1 = 7 , 5 + 2 = 7 , 4 + 3 = 7 1 + 6 = 7 , 2 + 5 = 7 , 3 + 4 = 7 7 – 6 = 1 , 7 – 5 = 2 , 7 – 4 = 3 7 – 1 = 6 , 7 – 2 = 5 , 7 – 3 = 4 Điền số thích hợp vào chố chấm. Điền dấu thích hợp vào chố chấm. Học sinh làm phiếu học tập. Yêu cầu: Học sinh viết được các phép tính như sau: 3 + 4 = 7 , 4 + 3 = 7 , 7 – 3 = 4 , 7 – 4 = 3 Học sinh nêu tên bài. Học sinh đọc bảng cộng và trừ PV7 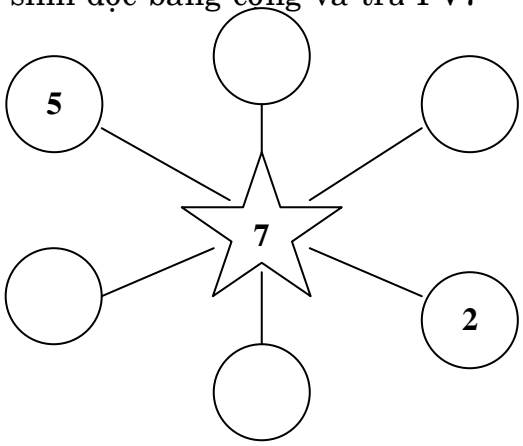

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Tập viết

BÀI 12 : CON ONG – CÂY THÔNG

VẦNG TRĂNG – CỦ GỪNG – CỦ RIỀNG

I.Mục tiêu :

-Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ : con ong, cây thông vầng trăng, củ gừng, củ riềng.

-Viết đúng độ cao các con chữ.

-Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II.Đồ dùng dạy học:

-Mẫu viết bài 12, vở viết, bảng … .

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC: Hỏi tên bài cũ. Gọi 4 HS lên bảng viết. Gọi 2 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ. 2.Bài mới : Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn HS quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết. 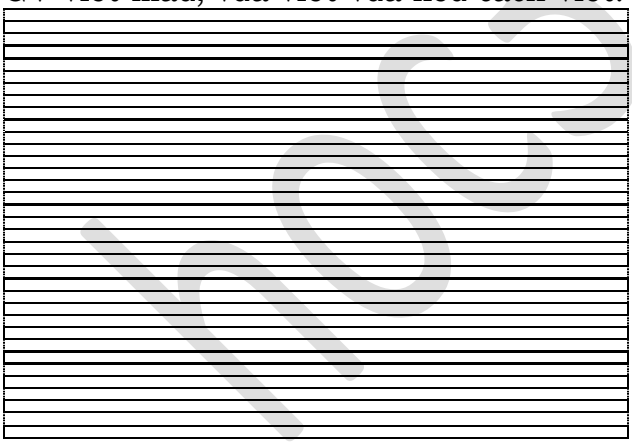 Gọi HS đọc nội dung bài viết. Phân tích độ cao, khoảng cách các chữ ở bài viết.	1HS nêu tên bài viết tuần trước, 4 HS lên bảng viết: Chú cừu, rau non, thợ hàn, dặn dò, khôn lớn, cơn mưa. Chấm bài tổ 1 và 3. HS nêu tựa bài. HS theo dõi ở bảng lớp con ong, cây thông, vầng trăng, củ gừng, củ riềng. HS tự phân tích. Học sinh nêu : các con chữ được viết cao 5 dòng kẽ là: h (thông). Các con chữ được viết cao 3 dòng kẽ là: t (thông, trăng), các con chữ kéo xuống tất cả 5 dòng kẽ là: g, y (cây, ong…), còn lại các nguyên âm viết cao 2 dòng kẽ.

	Khoảng cácch giữa các chữ bằng 1 vòng tròn khép kín.
HS viết bảng con. GV nhận xét và sửa sai cho học sinh trước khi tiến hành viết vào vở tập viết. GV theo dõi giúp các em yếu hoàn thành bài viết của mình tại lớp.	Học sinh viết 1 số từ khó.
3.Thực hành : Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở động viên một số em viết chậm, giúp các em hoàn thành bài viết	HS thực hành bài viết
4.Củng cố : Hỏi lại tên bài viết. Gọi HS đọc lại nội dung bài viết. Thu vở chấm một số em. Nhận xét tuyên dương.	HS nêu : con ong, cây thông,vầng trăng, củ gừng, củ riềng.
5.Dặn dò : Viết bài ở nhà, xem bài mới.	

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Học vần

BÀI : OM - AM

I.Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo vần om, am, tiếng xóm, làng.

-Phân biệt được sự khác nhau giữa om và am để đọc và viết đúng các tiếng có chứa vần om, am.

-Nhận ra om, am trong tiếng, từ ngữ, trong sách báo bất kì.

-Đọc được từ và câu ứng dụng trong bài.

-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Nói lời cảm ơn.

II.Đồ dùng dạy học: -Tranh minh hoạ từ khóa.

-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.

-Tranh minh hoạ luyện nói.

-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung. 2.Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần om, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần om. Lớp cài vần om. GV nhận xét So sánh vần on với om. HD đánh vần vần om. Có om, muốn có tiếng xóm ta làm thế nào? Cài tiếng xóm. GV nhận xét và ghi bảng tiếng xóm. Gọi phân tích tiếng xóm. GV hướng dẫn đánh vần tiếng xóm. Dùng tranh giới thiệu từ "làng xóm". Hỏi:Trong từ có tiếng nào mang vần mới học Gọi đánh vần tiếng xóm, đọc trơn từ làng xóm. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần am (dạy tương tự) So sánh 2 vần	Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : bình minh; N2 : nhà rông. Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau: bắt đầu bằng nguyên âm o. Khác nhau: om kết thúc bằng m. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm x đứng trước vần om và thanh sắc trên đầu âm o. Toàn lớp. CN 1 em. Xờ – om – xom – sắc – xóm. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Tiếng xóm. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng m.

	Khác nhau : am bắt đầu nguyên âm a.
Đọc lại 2 cột vần.	3 em
Gọi học sinh đọc toàn bảng.	1 em.
	Nghỉ giữa tiết.
HD viết bảng con : om, làng xóm, am, rừng tràm.	Toàn lớp viết
GV nhận xét và sửa sai.	
Đọc từ ứng dụng.	
Chòm râu, đom đóm,quả trám, trái cam.	HS đánh vần, đọc trơn từ, CN 4 em
Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Chòm râu, đom đóm,quả trám, trái cam.	Chòm, đom đóm, trám, cam.
Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn từ đó.	
Đọc sơ đồ 2	CN 2 em
Gọi đọc toàn bảng	CN 2 em, đồng thanh
3.Củng cố tiết 1:	
Hỏi vần mới học.	Vần om, am
Đọc bài.	CN 2 em
Tìm tiếng mang vần mới học.	Đại diện 2 nhóm
NX tiết 1	
Tiết 2	
Luyện đọc bảng lớp :	
Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn	CN 6 ->8 em, lớp đồng thanh
Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng:	
Mưa tháng bảy gãy cành trám.	HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.
Nắng tháng tám rám trái bòng.	
Gọi học sinh đọc.	
GV nhận xét và sửa sai.	
Luyện nói : Chủ đề: “Nói lời cảm ơn”.	Học sinh nói dựa theo gợi ý của GV.
GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề.	Học sinh khác nhận xét.
GV treo tranh và hỏi:	
+ Trong trang vẽ những ai?	Hai chị em.
+ Họ đang làm gì?	Chị cho em một quả bóng bay. Em cảm ơn chị.
+ Tại sao em bé lại cảm ơn chị?	Vì chị cho quả bóng bay.
+ Con đã nói lời cảm ơn bao giờ chưa?	Học sinh tự nêu.
+ Khi nào thì phải nói lời cảm ơn?	
GV giáo dục TTTcảm.	
Đọc sách kết hợp bảng con.	HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em.
GV đọc mẫu 1 lần.	Học sinh lắng nghe.
GV Nhận xét cho điểm.	
Luyện viết vở TV (3 phút).	Toàn lớp
GV thu vở 5 em để chấm.	
Nhận xét cách viết	
4.Củng cố: Gọi đọc bài.	CN 1 em

Trò chơi: Thi nói lời cảm ơn. Hai đội chơi, mỗi đội 2 người. Đóng vai tạo ra tình huống nói lời cảm ơn. GV nhận xét trò chơi. 5.Nhận xét, dặn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 2 học sinh lên chơi trò chơi. Bạn A cho B quyển vở. B nói "B xin cảm ơn bạn". Học sinh khác nhận xét.

hoc360.net

Thứ ngày tháng năm 20

Môn : Toán

BÀI 52 : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8.

I.Mục tiêu : Học sinh được:Tiếp tục củng cố khắc sâu khái niệm về phép cộng.

-Tự thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8

-Thực hành tính cộng đúng trong phạm vi 8.

-Tập biểu thị tranh bằng phép trừ thích hợp.

Đồ dùng dạy học:Bộ đồ dùng toán 1, VBT, SGK, bảng … .

-Các mô hình phù hợp để minh hoạ phép cộng trong phạm vi 7.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.KTBC : Hỏi tên bài. Gọi học sinh nộp vở.Gọi học sinh lên bảng làm bài tập. Làm bảng con : 7 - … = 3 (dãy 1) …+ 2 = 7 (dãy 2) Nhận xét KTBC. 2.Bài mới :GT bài ghi tựa bài học. ➢ Hướng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8. Bước 1: Hướng dẫn học sinh thành lập công thức 7 + 1 = 8 và 1 + 7 = 8 + Hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đính trên bảng và trả lời câu hỏi: Giáo viên đính lên bảng 7 tam giác và hỏi:Có mấy tam giác trên bảng? Có 7 tam giác thêm 1 tam giác nữa là mấy tam giác? Làm thế nào để biết là 8 tam giác? Cho cài phép tính 7 +1 = 8 Giáo viên nhận xét toàn lớp. GV viết công thức : 7 + 1 = 8 trên bảng và cho học sinh đọc. + Giúp học sinh quan sát hình để rút ra nhận xét: 7 hình tam giác và 1 hình tam giác cũng như 1 hình tam giác và 7 hình tam giác. Do đó 7 + 1 = 1 + 7 GV viết công thức lên bảng: 1 + 7 = 8 rồi gọi học sinh đọc. Sau đó cho học sinh đọc lại 2 công thức: 7 + 1 = 8 và 1 + 7 = 8. Bước 2: Hướng dẫn học sinh thành lập các công thức còn lại: 6 + 2 = 2 + 6 = 8; 5 + 3 = 3 + 5 = 8, 4 + 4 = 8 tương tự như trên.	Học sinh nêu: Luyện tập. Tổ 4 nộp vở. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 + … = 7 , 7 - … = 5 … + 2 = 7 , 7 - … = 3 … + 6 = 7 , … - 2 = 4 HS nhắc tựa. Học sinh QS trả lời câu hỏi. 7 tam giác. Học sinh nêu: 7 hình tam giác thêm 1 hình tam giác là 8 hình tam giác. Làm tính cộng, lấy 7 cộng 1 bằng 8. 7 + 1 = 8. Vài học sinh đọc lại 7 + 1 = 8. Học sinh quan sát và nêu: 7 + 1 = 1 + 7 = 8 Vài em đọc lại công thức. 7 + 1 = 8 1 + 7 = 8, gọi vài em đọc lại, nhóm đồng thanh.

Bước 3: Hướng dẫn học sinh bước đầu ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8 và cho học sinh đọc lại bảng cộng.	Học sinh nêu: 6 + 2 = 8 2 + 6 = 8 3 + 5 = 8 5 + 3 = 8 4 + 4 = 8 học sinh đọc lại bảng cộng vài em, nhóm.
Hướng dẫn luyện tập: Bài 1: Học sinh nêu YC bài tập. GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng cộng trong phạm vi 8 để tìm ra kết qủa của phép tính. Cần lưu ý học sinh viết các số phải thật thẳng cột.	
Bài 2: Học sinh nêu YC bài tập. Cho học sinh tìm kết qủa của phép tính (tính nhẩm), rồi đọc kết qủa bài làm của mình theo từng cột (cặp phép tính). GV lưu ý củng cố cho học sinh về TC giao hoán của phép cộng thông qua ví dụ cụ thể. Ví dụ: Khi đã biết 1 + 7 = 8 thì viết được ngay 7 + 1 = 8.	Học sinh thực hiện theo cột dọc ở VBT và nêu kết qủa. Học sinh làm miệng và nêu kết qủa: Học sinh nêu tính chất giao hoán của phép cộng.
Bài 3: Học sinh nêu YC bài tập. GV cho Học sinh nhắc lại cách tính gía trị của biểu thức số có dạng như trong bài tập như: 1 + 2 + 5 thì phải lấy 1 + 2 trước, được bao nhiêu cộng tiếp với 5. Cho học sinh làm bài và chữa bài trên bảng lớp.	Học sinh làm phiếu học tập. Học sinh chữa bài trên bảng lớp. Học sinh khác nhận xét bạn làm.
Bài 4:Hướng dẫn học sinh xem tranh rồi nêu bài toán.Gọi học sinh lên bảng chữa bài.	a) Có 6 con cua đang đứng yên và 2 con cua đang bò tới. Hỏi tất cả có mấy con cua? Có 4 con ốc sên đứng yên, có thêm 4 con nữa bò tới. Hỏi có mấy con ốc sên? Học sinh làm bảng con: 6 + 2 = 8(con cua) hay 2 + 6 = 8 (con cua) 4 + 4 = 8 (con ốc sên)
4.Củng cố – dặn dò:Hỏi tên bài. GV nêu câu hỏi :Nêu trò chơi : Tiếp sức. Chuẩn bị 2 bảng giấy ghi các phép tính và kết qủa, 2 bút màu. Cách chơi: Phân 2 dãy bàn trong lớp học, một dãy bàn là 1 đội. GV treo sẵn 2 băng giấy lên bảng. Sau khi nghe hiệu lệnh của người quản trò chơi, các thành viên của mỗi đội sẽ dùng bút nối kết qủa với phép tính. Từng người nối xong sẽ chuyền bút cho người khác nối tiếp. Luật chơi: Mỗi người chỉ nối được 1 lần. Trong 5 phút đội nào nối nhanh và đúng sẽ thắng.Gọi học sinh xung phong đọc thuộc bảng cộng trong phạm vi 8. Nhận xét, tuyên dương	Học sinh nêu tên bài Đại diện 2 nhóm chơi trò chơi. Học sinh xung phong đọc.
5.Dặn dò : Về nhà làm bài tập ở VBT, học bài, xem bài mới.	Học sinh lắng nghe.

Thứ ngày tháng năm 20

TUẦN 13

Môn : Hát

BÀI 13 : SẮP ĐẾN TẾT RỒI

I.Mục tiêu :

-HS biết hát đúng giai điệu của lời ca bài hát: Sắp đến tết rồi.

-Biết hát kết hợp vỗ tay theo phách. Biết hát kết hợp với vận động.

II.Đồ dùng dạy học:

-Nhạc cụ, tranh, trống, nhỏ, thanh phách …

-GV thuộc bài hát.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1.Kiểm tra : Hỏi tên bài cũ Gọi HS hát trước lớp. Gọi HS nhận xét. GV nhận xét phần KTBC. 2.Bài mới : GT bài, ghi tựa. Hoạt động 1 : *Dạy bài hát: Sắp đến tết rồi. Giáo viên hát mẫu. GV đọc lời ca. Dạy hát từng câu. Sắp đến tết rồi, đến trường rất vui. Sắp đến tết rồi, về nhà rất vui. Mẹ mua cho áo mới nhé, ai cũng vui mừng ghê. Mùa xuân nay em đã lớn, biết đi thăm ông bà. Gọi từng tổ học sinh hát, nhóm hát. GV chú ý để sửa sai. Hoạt động 2 :Hát kết hợp vỗ tay. GV vừa hát vừa vỗ tay theo phách. Hướng dẫn học sinh hát và vỗ tay theo phách. Gọi HS hát kết hợp vỗ tay theo phách. GV hát kết hợp nhún chân. Hướng dẫn học sinh làm theo. Gọi HS hát kết nhún chân. 4.Củng cố : Hỏi tên bài hát, tên tác của bài hát. HS hát lại bài hát vừa học. Nhận xét, tuyên dương. 5.Dặn dò về nhà:	HS nêu. 4 em lần lượt hát trước lớp. HS khác nhận xét bạn hát. Vài HS nhắc lại Học sinh lắng nghe. Học sinh nhẫm theo. GV hát trước, bắt nhịp cho học sinh hát theo, mỗi câu 2 đến 3 lần. Lần lượt câu này đến câu khác …. Hết bài hát. Học sinh hát theo nhóm. Học sinh theo dõi GV thực hiện. Lớp hát kết hợp vỗ tay. Học sinh theo dõi GV thực hiện. Lớp hát két hợp nhún chân. Học sinh nêu. Lớp hát đồng thanh.

hoc360.net